

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Bận

2. Ông Hồ Tấn Tài

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An:*** Bà Bùi Đức Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 367/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2017 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 12/24, khu phố A, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 12/24, khu phố A, phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị M và ông Vũ Văn B tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Nam Hà. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 26/02/1993. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân là do ông B sống gia trưởng, độc đoán, thường xuyên chửi vợ, đánh đập vợ, quản lý hết kinh tế, vợ chồng sống chung một nhà, nhưng

không quan hệ sinh lý với nhau từ tháng 5/2015 đến nay. Trước đây bà M đã làm đơn yêu cầu ly hôn, nhưng sau đó bà M rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng kể từ khi Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2017 đến nay ông B không thay đổi, vẫn giữ nguyên tính nết như cũ, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, bà M không còn tình cảm với ông B nên bà M yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 03 con chung tên Vũ Văn Q, sinh ngày 21/8/1994, Vũ Thị T, sinh ngày 28/01/1996; Vũ Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013. Do cháu Q, cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Đ hiện nay còn nhỏ, cháu còn đang bú mẹ nên bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Văn B trình bày:*

Ông B thống nhất lời trình bày của bà M về quan hệ hôn nhân. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng bà M cho rằng từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống không hạnh phúc và có mâu thuẫn là không chính xác. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ xảy ra từ đầu năm 2014 đến nay, nguyên nhân là do bà M đi đâu, làm gì không hỏi ý kiến của ông, chính vì lẽ đó vợ chồng mới xảy ra cãi vã, bà M còn có những lời nói không tôn trọng chồng nên đôi khi do nóng tính ông đã có những lời nói không hay với vợ và cũng có lúc đánh vợ; vợ chồng sống chung một nhà, nhưng không quan hệ sinh lý với nhau từ tháng 5/2015 đến nay, nguyên nhân là do bà M không cho. Về kinh tế ông không quản lý như bà M trình bày mà tiền làm ra là để chi tiêu chung trong gia đình. Do ông vẫn còn thương yêu vợ, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 03 con chung tên Vũ Văn Q, sinh ngày 21/8/1994, Vũ Thị T, sinh ngày 28/01/1996; Vũ Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013. Do cháu Q, cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Đ nếu vợ chồng ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông B đồng ý ly hôn với bà M. Riêng về con chung ông B không đồng ý giao cháu Đ cho bà M.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị M và ông Vũ Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện H, tỉnh Nam Hà vào ngày 26 tháng 02 năm 1993, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà M xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B và được ông B chấp nhận. Xét việc thuận tình ly hôn của bà M, ông B là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Bà M, ông B thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Vũ Văn Q, sinh ngày 21/8/1994, Vũ Thị T, sinh ngày 28/01/1996; Vũ Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013. Do cháu Q, cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Đ còn nhỏ nên bà M yêu cầu giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng không được ông B đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu Đ còn quá nhỏ, chưa đủ 4 tuổi, lại còn đang bú mẹ nên không thể tách cháu ra khỏi mẹ. Mặt khác, bà M có công ăn việc làm, thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi con. Do đó, bà M yêu cầu giao cháu Đ cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con bà M không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của bà M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M về việc xin ly hôn với ông Vũ Văn B.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị M và ông Vũ Văn B về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Hải Đ, sinh ngày 21/11/2013 cho bà Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị M về việc không yêu cầu ông Vũ Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004414 ngày 24/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Nam Hà;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bạch Tuyết**